

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2010/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ khuyến công tỉnh Đắk Lắk, được ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của liên Bộ: Tài Chính - Công Thương về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 51/TTr-SCT ngày 17 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ khuyến công tỉnh Đắk Lắk được ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB, ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã của tỉnh (gọi là cơ sở công nghiệp nông thôn); bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

b) Các tổ chức dịch vụ khuyến công gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp nông thôn".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Nội dung hoạt động khuyến công**1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề**

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;

- Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.

2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;

- Chi đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);

- Chi tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;

- Chi tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Chi tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khoá học, hội thảo; khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

- Chi tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Chi điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao;

- Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong các lĩnh vực sản xuất tiêu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hoá công nghệ truyền thống; sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiêu thủ công nghiệp;

- Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

- Chi xây dựng và ban hành hệ thống Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo ba cấp xã, huyện, tỉnh;

- Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh;

- Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

- Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

- Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, đất đai, ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Chi hình thành và phát triển các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chi xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công từ tỉnh đến xã;

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang thông tin (website) và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp

- Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

- Chi hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp;

- Chi hỗ trợ lập quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công

- Chi nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

- Chi tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ tỉnh đến xã;

- Chi cơ sở vật chất kỹ thuật cho các Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, kết nối với các cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở;

- Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

- Chi hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động khuyến công trong nước.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, chương trình khuyến công khác do UBND tỉnh, Bộ Công thương trực tiếp giao, nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp theo các chính sách ưu đãi của ngành, địa phương về phát triển công nghiệp trong từng thời kỳ, từng giai đoạn".

3. Bổ sung vào khoản 2, Điều 12 nội dung sau:

- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng phát trên địa bàn tỉnh;

- Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Hình thức và mức hỗ trợ kinh phí

1. Một số mức chi chung

- Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo của Chương trình khuyến công thực hiện theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp;

- Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thực hiện theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt mức chi phí đào tạo sơ cấp nghề miễn phí cho lao động nông thôn và dự án dạy nghề cho người nghèo.

Đối với đào tạo nghề cho người nghèo, người dân tộc thiểu số tham gia học nghề mới; đào tạo nghề cho thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giảng viên dạy nghề được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học và hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng theo Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 100/2006/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật;

- Điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao và hệ thống định mức chi hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước;

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Khảo sát nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

- Tổ chức các cuộc thi về các hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, chương trình thuộc Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008-2015”;

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; các khoá đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

- Xây dựng dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn thực hiện theo Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi cho việc tạo lập thông tin điện tử.

2. Một số mức chi đặc thù

- Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: nghiên cứu hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/doanh nghiệp;

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ mới hoặc sản phẩm mới; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập;

bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa là 70 triệu đồng/mô hình;

- Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý môi trường, bao gồm: máy móc thiết bị hiện đại, cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật; tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao; đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân để nắm vững và vận hành công nghệ được chuyển giao; thuê chuyên gia; mua tài liệu nghiên cứu phục vụ công việc chuyển giao; mua nguyên vật liệu để sản xuất thử. Mức hỗ trợ tối đa 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ được chuyển giao nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở;

- Chi xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mức chi tối đa không quá 15 triệu đồng/tiêu chuẩn sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm;

- Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/lần (đối với cấp xã), 20 triệu đồng/lần (đối với cấp huyện), 80 triệu đồng/lần (đối với cấp tỉnh), 150 triệu đồng/lần (đối với cấp khu vực) và 250 triệu đồng/lần (đối với cấp quốc gia);

- Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nước cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê gian hàng, trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng hội chợ triển lãm tổ chức tại các vùng miền núi, Tây Nguyên, vùng cao mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham dự hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm khác trong nước. Mức hỗ trợ 50% giá thuê diện tích gian hàng;

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu;

- Chi hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp nông thôn thuê tư vấn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

- Chi thành lập điểm tư vấn khuyến công có điều kiện thành lập theo quy định của Bộ Công Thương, bao gồm chi phí mua sắm tài liệu, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ cho hoạt động của các điểm tư vấn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở;

- Chi hỗ trợ xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công, bao gồm: khảo sát vận động nhân sự tham gia mạng lưới; lập đề án xây dựng mạng lưới; dự thảo điều lệ

hoạt động của mạng lưới; tổ chức hội nghị ra mắt mạng lưới; tập huấn đào tạo cộng tác viên. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp tỉnh và 150 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp quốc gia;

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng;

- Chi hỗ trợ để thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia. Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp tỉnh, 70 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp vùng, 100 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp quốc gia;

- Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp nhưng không vượt quá 150 triệu đồng cho một cụm liên kết;

- Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương, bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải tại những địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn (danh mục địa bàn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư); địa bàn công nghiệp chậm phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết tối đa không vượt quá 350 triệu đồng/cụm, điểm công nghiệp; mức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tối đa không vượt quá 3.000 triệu đồng/cụm, điểm công nghiệp;

- Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ cụ thể đối với nhiệm vụ chi khuyến công của ngân sách địa phương do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định trên đây.

3. Trường hợp nhu cầu hỗ trợ vượt quá khả năng tài chính của Quỹ khuyến công tỉnh, thì Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung kinh phí hoặc tổ chức xét duyệt theo thứ tự ưu tiên, đối tượng và ngành nghề ưu tiên dựa trên cơ sở các chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh, các chủ trương, định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh và Quy hoạch phát triển công nghiệp tại thời điểm xét duyệt".

5. Bổ sung khoản 5 vào Điều 14 nội dung như sau:

"5. Trình tự, cách thức, thời gian xây dựng, thực hiện đề án khuyến công

a) Xây dựng kế hoạch khuyến công

- Đầu tháng 5 hàng năm, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố để đăng ký các đề án khuyến công trong năm kế hoạch;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu cần hỗ trợ của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn để tổng hợp, xây dựng kế hoạch khuyến công gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trước ngày 15 tháng 6 hàng năm;

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tiến hành rà soát, kiểm tra các đơn vị thụ hưởng, tổng hợp kế hoạch và sau khi đã thống nhất với Sở Tài chính về tổng kinh phí sự nghiệp kinh tế khuyến công mưu văn bản đề Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công hàng năm.

b) Lập, phê duyệt đề án khuyến công

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố triển khai cho các tổ chức, cá nhân thụ hưởng lập đề án khuyến công theo quy định gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thẩm định và trình Sở Công Thương phê duyệt. Thời gian lập đề án và gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp là 45 ngày sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công hàng năm;

- Thời gian tổ chức thẩm định và phê duyệt không quá 20 ngày sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, đề án theo quy định".

6. Sửa đổi cụm từ: “dự án khuyến công” trong nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ khuyến công tỉnh Đắk Lắk được ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB, ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành “đề án khuyến công”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở ban, ngành liên quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư